

INFLUENCE OF BUDDHISM IN LAO FOLK LITERATURE THROUGH SOME REPRESENTATIVE WORKS

Ha Thi Dan

*Institute of Asia-Pacific Studies,
Vietnam Academy of Social Sciences,
Hanoi city, Vietnam*

Corresponding author: Ha Thi Dan,
e-mail: hadan1983@yahoo.com

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO TRONG VĂN HỌC DÂN GIÀN LÀO QUA MỘT SỐ TÁC PHẨM TIÊU BIỂU

Hà Thị Đan

*Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương,
Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam,
thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Hà Thị Đan,
e-mail: hadan1983@yahoo.com

Received May 6, 2025.
Revised June 16, 2025.
Accepted August 5, 2025.

Ngày nhận bài: 6/5/2025.
Ngày sửa bài: 16/6/2025.
Ngày nhận đăng: 5/8/2025.

Abstract. Lao folk literature constitutes a rich cultural heritage in which the influence of Buddhism is particularly prominent. Through multiple channels, Buddhism has entered Laos, along with the presence of Buddhist literature from India into the “Land of a Million Elephants.” Drawing on the typological method, this article examines several representative works of Lao folk literature to analyze the influence of Buddhist elements in terms of plot, character image, and motif. From there, we can draw conclusions about the process of exchange, contact, and assimilation of Buddhist literature in Lao traditions.

Keywords: Laos, Buddhism, folk literature.

Tóm tắt. Lào có một kho tàng văn học dân gian phong phú. Nghiên cứu văn học dân gian Lào không thể không nhắc tới sự ảnh hưởng của nhân tố Phật giáo. Bằng nhiều con đường khác nhau, Phật giáo đã du nhập vào Lào, cùng với đó là sự hiện diện của dòng văn học Phật giáo từ Ấn Độ trên đất nước Triệu Voi (tên gọi khác của Lào). Với tính chất ấy, bài viết này dựa trên cơ sở của phương pháp loại hình học, bước đầu khảo sát một số tác phẩm tiêu biểu trong văn học Lào; phân tích sự ảnh hưởng của yếu tố Phật giáo trên phương diện cốt truyện, hình tượng nhân vật, motif. Từ đó, rút ra nhận xét về quá trình giao lưu, tiếp xúc, tiếp biến văn học Phật giáo tại Lào.

Từ khoá: Lào, Phật giáo, văn học dân gian.

1. Mở đầu

Lào là quốc gia đa tôn giáo nhưng Phật giáo có đông tín đồ nhất với 4.385.291 người (chiếm khoảng hơn 60% dân số) [1; 34]. Kể từ khi du nhập vào xứ sở Triệu Voi, Phật giáo có lúc thăng lúc trầm song không thể phủ nhận vai trò của nó đối với nhiều mặt của đời sống bao gồm cả văn học dân gian. Việc nghiên cứu ảnh hưởng của tôn giáo này trong văn học dân gian Lào do vậy được giả quốc tế và trong nước quan tâm.

Ở Việt Nam, các giáo trình về văn học Đông Nam Á của Đức Ninh [2; 459 - 523]; Nguyễn Tấn Đắc [3; 41 - 64]; Lưu Đức Trung [4; 17 - 54] trong phần về văn học Lào đều ít nhiều khẳng định dấu ấn của Phật giáo trong truyện kể. Các bài nghiên cứu như *Ảnh hưởng của Jataka trong văn hóa Đông Nam Á* nhấn mạnh sự lan tỏa của *Jataka* lên nhiều mặt đời sống văn hóa - xã hội

Đông Nam Á nói chung, Lào nói riêng [5]. Bài *Đôi nét về bản sắc văn hóa Lào qua quá trình bản địa hóa sử thi Ramayana trong Phra Lak Phra Lam* thông qua phân tích một văn phẩm cụ thể đã khẳng định những giá trị chung của văn hóa Lào trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn học - văn hóa khu vực [6]. Bài *Phương diện kết cấu trong nghệ thuật kể chuyện - thuyết pháp của Jataka* đề cập đến một phương diện trong hình thức kể chuyện của tác phẩm [7; 93 - 105]. Chuyên khảo *Phật giáo Lào dưới góc nhìn văn hóa* từ cách tiếp cận văn hóa học đã khẳng định sự ảnh hưởng của Phật giáo lên các thành tố vật chất cũng như tinh thần của xứ sở hoa Champa (hoa Champa là quốc hoa của Lào nên Lào còn được gọi là “xứ sở hoa Champa”) [8; 161].

Ở nước ngoài, các học giả phương Tây đã có nhiều công trình bàn về vấn đề này, trong đó phải kể đến *The Influence of Jatakas on Art and Literature* (Ảnh hưởng của *Jatakas* lên nghệ thuật và văn học) của tác giả Ahir [9]. Người Lào cũng dành nhiều sự quan tâm cho vấn đề này như bài *The Jataka Stories and Laopuan worldview* (*Jataka* trong thế giới quan của người Lào Buông) [10]. Từ kết quả điền dã dân tộc học ở một số tỉnh của Lào, tác giả đi đến kết luận: Ở đây, ngay trong đời sống đương đại, những câu chuyện về cuộc đời Đức Phật được ngâm, được đọc đi đọc lại nhiều lần. Người ta kể lại (recite) những câu chuyện *Jataka* để quần chúng thấm nhuần hơn về những lời dạy của Đức Phật. Từ đó, giúp họ có thể dễ dàng hơn trong việc ứng dụng lời dạy ấy vào đời sống hàng ngày. Cũng là một học giả Lào, bài viết *The Role and Impact of Vessantara Jataka in the Lao PDR* (Vai trò và ảnh hưởng của *Jataka* ở Lào) của Ven Sayadej Vongsopha lại đặc biệt nhấn mạnh đến ảnh hưởng của *Jataka* 547 trong văn hóa Lào. Dù bài viết tiếp cận dưới góc độ nhân học văn hóa nhưng cũng gợi ý cho chúng tôi về sự phổ cập của *Jataka* cuối cùng (*Chuyện về hoàng tử Vessantara*) ở Lào [11].

Điềm qua tình hình nghiên cứu trong nước và ngoài nước, chúng tôi thấy vấn đề ảnh hưởng của Phật giáo trong văn học dân gian Lào đã được không ít nhà khoa học, học giả đề cập. Tuy nhiên, trong phạm vi tư liệu mà chúng tôi bao quát được, chưa có những nghiên cứu thật chuyên sâu, có hệ thống về các cấp độ ảnh hưởng cũng như nhận xét, đánh giá về quá trình dân gian hóa văn học Phật giáo tại Lào. Với những lí do ấy, bài báo này góp phần bổ sung tri thức về ảnh hưởng văn học cho các nhà khoa học, nhà nghiên cứu quan tâm đến văn học Phật giáo nói chung, văn học dân gian Lào nói riêng.

2. Nội dung nghiên cứu

Nội dung ảnh hưởng Phật giáo trong văn học dân gian Lào là khá rộng. Trong phạm vi bài viết của mình, chúng tôi chỉ chọn một số tác phẩm tiêu biểu làm đối tượng khảo sát. Hơn nữa, khi phân tích sự ảnh hưởng, chúng tôi tập trung vào ba khía cạnh chính của loại thể tự sự dân gian là: cốt truyện, hình tượng nhân vật và motif.

2.1. Về cốt truyện

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*, “cốt truyện là hệ thống sự kiện cụ thể được tổ chức theo yêu cầu tư tưởng và nghệ thuật nhất định, tạo thành một bộ phận cơ bản, quan trọng nhất trong loại hình tác phẩm tự sự” [12; 99].

Với ý nghĩa như vậy, chúng tôi thấy một số truyện của Lào vay mượn cốt truyện trong truyền cổ Phật giáo (cụ thể là *Jataka*). *Jataka* (“The previous births of Gautama Buddha” hay “Những câu chuyện về tiền kiếp của Đức Phật”) là tác phẩm thuộc Tiểu Bộ Kinh. Toàn bộ thánh điển Phật giáo được chia thành Tam Tạng: Tạng Kinh, Tạng Luật, Tạng Luận. Trong đó, tạng Kinh là những lời thuyết giảng của Phật được các đệ tử sưu tầm và sắp xếp một cách hệ thống; Tạng Luật là những nguyên tắc mà Phật chế định để các đệ tử dựa vào đó hành trì và điều khiển giáo hội; Tạng Luận giảng cứu, luận bàn những ý nghĩa hàm ẩn sâu xa của lời Phật dạy trong hai “Tạng” trên. Mỗi “Tạng” lại chia ra nhiều “Kinh” khác nhau. *Jataka tales* (còn gọi là *Kinh Bổn Sinh*, *Kinh Jataka*, *Chuyện Tiền thân Đức Phật*) được coi là bộ Kinh giàu tính văn chương nhất trong toàn bộ Kinh điển Phật giáo. Tạng Kinh có 5 bộ: Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ

Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh và Tiểu Bộ Kinh. Tiểu Bộ Kinh lại gồm 15 Tiểu Kinh. Và *Jataka* là một trong 15 Tiểu Kinh đó. Tác phẩm do học trò Đức Phật sưu tầm và chọn lọc lại nhằm xây dựng những huyền thoại về Đức Phật, ca ngợi ân đức lớn lao, kỳ vĩ của Người cũng như bao lời khuyên giải và thuyết pháp của Ngài đối với chúng sinh. *Jataka* là tập đại thành gồm 547 truyện [13, 38]. Mỗi truyện là một vấn đề của Phật pháp được Đức Phật thuyết giảng dưới câu chuyện kể của dân gian. Về phương diện kết cấu, mỗi *Jataka* có 03 phần: Câu chuyện hiện tại (Đức Phật thuyết pháp cho các Tỷ kheo về vấn đề gì đó của Phật pháp hoặc nhân sinh) - Câu chuyện quá khứ (Đức Phật kể lại một trong các tiền kiếp của mình) - Câu chuyện hiện tại (Đức Phật nhận diện tiền thân). Ngoài ra, cuối mỗi *Jataka* còn có 1 bài kệ nhằm đúc kết lại vấn đề thuyết giảng (vốn là một đặc trưng của văn học Phật giáo). Sự lồng ghép nội dung thuyết giảng vào trong các câu chuyện dân gian khiến *Jataka* dễ đi vào quần chúng - nhất là đối với quốc gia thuộc loại hình văn minh nông nghiệp lúa nước như Lào.

Bước đầu khảo sát kho tàng truyện cổ dân gian Lào, chúng tôi nhận thấy người Lào đã ít nhiều có sự vay mượn cốt truyện trong kinh điển Phật giáo như: *Sự tích của rượu*; *Sự tích hình thỏ trên mặt trăng*; *Sự tích lời chúc tụng*; *Hoàng tử Vệt - xanh - đen*; *Hạc vàng*; *Đạo sĩ kiện hổ*; *Chuyện voi*; *Chuyện em bé và con chồn*; *Chuyện con thỏ nhát gan*... [14].

Trong hệ thống truyện kể trên, chúng tôi nhận thấy khá nhiều truyện “sự tích” của Lào ảnh hưởng từ kinh điển Phật giáo (*Jataka*) gồm: *Sự tích của rượu*, *Sự tích lời chúc tụng*, *Sự tích hình thỏ trên mặt trăng*. Truyện *Sự tích của rượu* vay mượn cốt truyện *Jataka* số 512 (*Chuyện bình rượu - Tiền thân Kumbha*) trong *Kinh Bốn Sinh*. Cốt truyện kể về một trong những tiền kiếp của Đức Phật là Thiên Chủ Đế Thích (giả dạng là người Bà - la - môn) thuyết giáo cho vua nước nọ. Vua giác ngộ và chấm dứt việc uống rượu [15; 533-541]. Ý nghĩa truyện này trong *Jataka*: Uống rượu là một trong những điều cấm kỵ của đạo Phật. Trong 10 Hạnh Ba la mật, “hạnh trì” (Sì la) hay còn gọi là “trì giới” là một hạnh mà mỗi Phật tử phải thực hiện. “Trì giới” là thực hiện quy luật, kỉ cương, thực hiện những bổn phận phải làm và những điều nên tránh. Trong các hóa thân của tiền kiếp, bên cạnh các hạnh nguyên khác, Đức Phật luôn thực hành trì giới, đó là ngũ giới (năm điều ngăn cấm): Không được giết hại, không được trộm cướp, không được tà dâm, không được nói dối, không được uống rượu. Với 5 điều này, Đức Phật muốn đem lại không gian bình yên cho trật tự xã hội, không bắt buộc chúng sinh phải tuân theo. Sự giữ hay không giữ giới hoàn toàn do chúng ta tự liệu lấy. Đức Phật chỉ là một vị dẫn đường từ bi, minh triết và sáng suốt. Ngài mách bảo chúng ta con đường nào là con đường sáng và con đường nào là con đường tối không nên đi. Thực hiện đúng ngũ giới, thực hiện những lời răn, chế ngự mình trong việc làm, lời nói và ý nghĩ, con người mới được an bình, đất nước yên vui. Với nội dung như vậy, chúng ta thấy ý nghĩa của một tác phẩm văn học trong khi trong kinh điển gốc mang màu sắc tôn giáo rõ nét.

Sự tích của rượu [16; 26-31] có nội dung cốt truyện giống *Jataka* 512 nói trên. Tuy nhiên, người Lào vay mượn cốt truyện này mục đích không phải để nói về nguyên lí hoặc điều gì liên quan đến Phật pháp mà để giải thích nguồn gốc của rượu. Một cách bao quát, các nhân vật trong *Sự tích của rượu* cũng có tên giống các nhân vật trong *Jataka* gồm: Xura (người thợ săn), vị ản sĩ Varuna. Câu chuyện kể rằng: sau khi hai người (Xura và ản sĩ) đến kinh thành Savatchi để bán và chế rượu thì có một con mèo do uống rượu nên bị say mềm, bất tỉnh. Nhà vua Xapphamet tức giận nghĩ hai người kia mưu làm thuốc độc để giết hại ông và cướp ngôi. Vua sai chém đầu 2 người, lúc 2 người vừa chết đi thì con mèo kia tỉnh lại. Nhà vua thấy hiện tượng lạ nên tự mình nếm thử một tí rượu xem sao. Vừa lúc đó, Ngọc Hoàng thượng đế từ trên thiên cung nhìn xuống hạ giới xem nhân gian sừng khô thế nào thì thấy vua đang chuẩn bị uống nước say. Ngọc Hoàng nhìn trước nguy cơ suy sụp của một đất nước nếu người đứng đầu sa vào cảnh say sưa nghiện ngập liền xuống chỉ cho vua thấy hàng loạt tác hại mà rượu gây ra. Vua cảm ơn người Bà la môn, sau đó truyền lệnh phá hủy tất cả các chum nước đang bốc mùi thơm.

Với cốt truyện trên, truyện của Lào nhằm mục đích giải thích nguồn gốc của rượu (từ đâu mà có, làm cách nào để chế biến được rượu) và thuế Xappanmet (thuế rượu) của người Lào. Câu

chuyện không có kết cấu 3 phần, cũng không có thi kệ, không có nội dung thuyết pháp, không nhằm truyền tải giáo lý nào của nhà Phật.

Một tác phẩm khác của Lào là *Sự tích hình thỏ trên mặt trăng* cũng vay mượn cốt truyện *Jataka 316* trong *Kinh Bốn Sinh* [17; 318 - 322]. Người Lào mượn truyện này để giải thích hiện tượng tự nhiên về sự xuất hiện thường xuyên của hình Thỏ trên mặt trăng. Vậy cho nên, kết thúc truyện, nếu như ở *Jataka 316*, Đức Phật thuyết pháp cho các Tỷ Kheo về hạnh bố thí thì truyện Lào, kết thúc truyện, tác giả dân gian viết: “Ngọc Hoàng hết sức kính phục Thỏ. Người bồng Thỏ lên nâng niu triu mến. Người hiện nguyên hình và đưa chú Thỏ trở lên thiên cung. Để nhớ chú Thỏ trung thành với lời hứa, Ngọc Hoàng lấy một hòn đá trên một quả núi khắc hình Thỏ đem đặt lên trên hình mặt trăng. Từ đó, người ta nhìn lên trên mặt trăng thấy hình chú Thỏ rất rõ và chính là dấu hiệu của sự tốt đẹp không bao giờ phai mờ” [18; 34 - 38]. Như vậy, truyện cổ Phật giáo đã được bản địa hóa, trở thành truyện “sự tích” nhằm giải thích hiện tượng sự xuất hiện của hình Thỏ trên mặt trăng của người Lào. Hoặc truyện *Sự tích lời chúc tụng* vốn là một tích truyện trong *Kinh Bốn Sinh (Jataka 155/Chuyện nhảy mũi - Tiên thân Gagga)* [19; 530 - 533] đã được dân gian hóa nhằm giải thích phong tục Lào. Vẫn là câu chuyện về tiền kiếp của Đức Phật trong hành trình thu phục quỷ Dạ Xoa nhưng kết thúc truyện, tác giả dân gian Lào nhấn mạnh: “Sự tích chúc nhau sống lâu trăm tuổi không biết có từ bao giờ mà ngày nay người ta vẫn chúc nhau như vậy” [20; 46].

Tóm lại, khi nói về ảnh hưởng Phật giáo trong truyện cổ dân gian Lào ở cấp độ cốt truyện, người viết nhận thấy có rất nhiều truyện tác giả dân gian nơi đây đã vay mượn cốt truyện trong kinh điển Phật giáo. Tuy nhiên, đó không phải là sự “bắt chước” hoàn toàn mà đã được sáng tạo lại, trở nên giản dị về cả nội dung lẫn hình thức. Vô hình chung, *Jataka* từ di sản văn hóa của Ấn Độ đã biến thành di sản folklore của nhân dân xứ sở hoa Champa.

Ngoài cấp độ cốt truyện, nhiều truyện dân gian Lào còn vay mượn hình tượng nhân vật trong truyện cổ Phật giáo để truyền tải những thông điệp của mình.

2.2. Về hình tượng nhân vật

Trong truyện kể Phật giáo, hệ thống nhân vật đa dạng, phong phú, hình tượng Đức Phật là chính. Bên cạnh đó, còn có nhân vật khác, nhân vật phản diện như Đề bà đạt đa.

Về hình tượng đức Phật: Trong kinh điển Phật giáo, chúng ta thấy nổi bật lên trong 547 câu chuyện là hình tượng Đức Phật như là một bậc thầy thuyết pháp tài ba. Mỗi *Jataka* là một vấn đề mà Đức Phật muốn thông qua câu chuyện cụ thể để thuyết pháp cho chúng sinh về một triết lý nào đó của Phật giáo.

Người Lào theo đạo Phật và thấm nhuần các triết lý của Phật giáo như luật nhân quả, kiếp luân hồi, sự bố thí, thiện - ác nên người dân Lào cũng có xu hướng vay mượn hình thức này trong các câu chuyện dân gian nước mình. Tuy nhiên, tác giả dân gian nơi đây luôn có xu hướng loại bỏ bớt đi các yếu tố thuộc về nhân sinh quan của văn hóa ngoại lai, chỉ giữ lại những gì gọi là dung dị nhất, gần gũi nhất và phù hợp nhất với quan niệm nhân sinh, đạo đức của mình. Nội dung thuyết pháp trong truyện kể dân gian vì thế cũng sinh động, dễ hiểu và không phải do Đức Phật trực tiếp thuyết pháp mà gửi gắm qua nhân vật đời thường. Điều này được thể hiện trong tác phẩm *Xiêu Xa Vạt* [21]. Đây là tập hợp nhiều truyện kể dân gian được liên kết với nhau theo phong cách xâu chuỗi. Toàn bộ câu chuyện kể về chàng Xiêu Xa Vạt. Anh sinh tại mường Pha La Na Xi. Một hôm, người cha gọi anh và anh trai là Xa Xi Liễu đến để hỏi vài câu. Qua việc đó, người cha nhận ra Xiêu Xa Vạt không chỉ là người thông minh, tài trí mà còn có trái tim nhân hậu, sau này nhất định sẽ tiến xa. Và ông đã kể cho hai con nghe một loạt các câu chuyện, giúp các con rút ra những bài học bổ ích cho cuộc sống. Tiếp theo, là 30 câu chuyện nhỏ - những câu chuyện mà người cha kể cho con nghe. Đó là các truyện liên quan đến hành trình của Xiêu Xa Vạt trên con đường đấu tranh cho công lý, bảo vệ lẽ phải, chống lại cái ác. Đặc biệt, tác giả dân gian nhấn mạnh đến các lần đối thoại của Xiêu Xa Vạt với tên vua gian ác và xảo quyệt. Trong 30 câu

chuyện này, lại có nhiều người kể tiếp - họ thi nhau kể lại các câu chuyện của mình, chuyện nọ tiếp nối chuyện kia.

Đối với người Lào, *Xiêu Xa Vạt* là câu chuyện quen thuộc được lưu truyền từ đời này sang đời khác, thành biểu tượng cho những người thông minh, tài ba, dũng cảm và chính trực, sẵn sàng chống lại cái xấu, cái ác. Chàng có biệt tài dùng các mẩu chuyện để giải đáp những điều nhà vua hỏi và giảng giải mọi điều cho triều thần cũng như dân chúng. Thành ra, không khác Đức Phật thuở nào, chàng là người có tài kể chuyện và có nghệ thuật thuyết pháp điêu luyện. Vài chục mẩu chuyện đã được gán một cách khéo léo cho một nhân vật mang tên Xiêu Xa Vạt. Đây là một tập truyện có kết cấu kiểu xâu chuỗi hay là truyện khung. Và cũng giống như Đức Phật đã dùng hàng mấy trăm câu chuyện để cứu rỗi chúng sinh, Xiêu Xa Vạt dùng nhiều mẩu chuyện để cứu bao nhiêu người thoát khỏi bàn tay tàn bạo của nhà vua, giúp nhà vua cai trị đất nước được yên bình.

Ngoài ra, trong kho tàng truyện kể dân gian Lào, có chuyện chuỗi Xiêng Miêng cũng chịu ảnh hưởng của Phật giáo. “Xiêng” trong từ điển Việt Lào có nghĩa là “Thầy - cấp bậc của những người đã đi tu thành tiểu” [22; 529]. Theo đó, Xiêng là danh xưng dành cho những chú tiểu đã từng có quá trình tu tập trong chùa nhưng đã hoàn tục). Còn “Miêng” (tiếng Lào có nhiều nghĩa, là “sang” hoặc “vượt qua”. Như vậy, Xiêng Miêng là những câu chuyện kể về các chú tiểu thông minh, lém lỉnh (trí tuệ) và nhờ sự thông minh lém lỉnh đó mà trong nhiều trường hợp có thể thoát khỏi hiểm nguy, chống lại cái ác, cái xấu, cái tiêu cực tồn tại trong xã hội. Kiểu truyện này rất được người dân Lào ưa chuộng và thường có kết thúc có hậu, thuận theo luật nhân quả của đạo Phật.

Trong truyện cổ Phật giáo, bên cạnh đức Phật, nhà sư, chú tiểu còn có hình tượng nhân vật phản diện, cụ thể là nhân vật Đề - bà - Đạt - đa [23]. Trên thế giới, không có tôn giáo nào mà không có tín đồ phản bội. Nhân vật này hoặc bằng cách này hay cách khác luôn có những hành vi chống phá lại giáo lý và giáo chủ của Tăng đoàn. Trong Phật giáo, đó là nhân vật Đề - bà - đạt - đa (Devadatta). Đề - bà - đạt - đa xuất thân trong giai cấp Sát - đế - lợi dòng họ Thích - ca (Sakya), là anh em họ của Đức Phật. Tương truyền, đây là nhân vật có dung mạo đoan chính, thông minh, có thần lực lớn và trí tuệ siêu việt, từng gia nhập vào lãnh đạo tăng đoàn của Phật nhưng rồi về sau, nảy sinh nhiều ý kiến không hợp với quyền lực đấu tranh, li khai khỏi Phật Tổ Thích Ca để thành lập tăng đoàn khác. Ở trong kinh điển Phật giáo nguyên thủy, Đề - bà - đạt - đa là kẻ đã phạm vào trọng tội gọi là ngũ nghịch (5 tội lớn), phá hoại tăng đoàn, phản bội Phật giáo, một nhân vật phản diện tuyệt đối và khi lìa đời, đã bị giam vào địa ngục. Vậy nên, chuyện của Đề - bà - đạt - đa, từ lúc trở thành Tỳ - kheo đến lúc mặt đất nứt ra và nuốt ông ta xuất hiện nhiều lần trong truyện cổ Phật giáo.

Khi khảo sát kho tàng truyện cổ dân gian Lào, chúng tôi thấy cũng có nhân vật này, tiêu biểu là truyện *Phra Lak - Phra Lam* [24]. Câu chuyện kể về hai anh em sinh đôi là *Phra Lak - Phra Lam* trong cuộc chiến chống lại Hapkhanasouane (chính là Đề - bà - đạt - đa) - kẻ luôn có âm mưu hãm hại Đức Phật. Người này giữ trong lòng mọi sự tham, sân, si, luôn ghen tị trước đạo hạnh của Đức Phật nên tìm cách hãm hại Ngài: Khi thì giả làm thợ săn để bắt Ngài; khi thì xúi giục kẻ khác đâm mũi tên vào Ngài; khi xuyên tạc phẩm giá của Ngài trước các đệ tử; năm lần bảy lượt đòi lấy mạng Ngài nhưng Ngài đều thứ tha, bình thản, dùng từ tâm của mình để cảm hóa kẻ thù. Câu chuyện minh họa cho triết lý giản đơn: “Gieo gì gặt nấy”.

Ngoài ảnh hưởng về nhân vật và cốt truyện thì các motif trong truyện cổ Phật giáo cũng ít nhiều ảnh hưởng đến motif truyện kể dân gian Lào, nổi bật là motif “tiền kiếp” và motif “kể chuyện để thuyết pháp”.

2.3. Về motif

Trong văn học nghệ thuật nói chung, văn học dân gian nói riêng, nghiên cứu motif có ý nghĩa rất quan trọng. Trên thế giới, vào cuối thế kỷ 19, trường phái nghiên cứu văn học dân gian ở Phần Lan đã coi đây là một trong năm điều hết sức cần thiết khi tiếp cận một tác phẩm văn học dân gian. Họ cho rằng: Mỗi tác phẩm văn học dân gian bao giờ cũng được cấu tạo bởi một hoặc một số

motif nhất định [25; 57]. Rồi sau này ở Nga, trong công trình nổi tiếng của mình, V.I.A. Propp [26] cũng đã vận dụng khá nhuần nhuyễn yếu tố này khi ông xem xét truyện cổ tích. Vậy motif là gì?

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*, motif là “những yếu tố, những bộ phận lớn hoặc nhỏ đã được hình thành, ổn định bền vững, và được sử dụng nhiều lần trong sáng tác văn học nghệ thuật, nhất là trong văn học dân gian” [27; 168]. Còn trong cuốn *150 thuật ngữ văn học*, Lại Nguyên Ân nhấn mạnh thêm: “motif có thể được phân xuất ra từ một hoặc một số tác phẩm văn học, một thời đại văn học nào đó của một nhà văn hay trong văn cảnh toàn bộ sáng tác của nhà văn ấy hoặc trong văn cảnh một khuynh hướng văn học, một thời đại văn học nào đó” [28; 209].

Từ những hướng tiếp cận trên chúng tôi thấy nghiên cứu về motif là một việc quan trọng, cần thiết nhưng cũng đầy phức tạp. Vấn đề thế nào là “motif” và vai trò của motif trong truyện kể như thế nào đang còn tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau. Tuy nhiên, giới folklore đã thống nhất với định nghĩa của Thomson trong cuốn *Standard dictionary of folklore mythology and legend* (*Từ điển tiêu chuẩn của folklore, thần thoại và truyền thuyết*) - xuất bản 1949 tại New - York khi ông cho rằng: “... motif là cái gì đó khác hơn là một sự chung chung, có thể hơi đặc biệt, độc đáo. Nó phải làm cho người ta nhớ và được lặp đi lặp lại trong các dị bản” [29].

Căn cứ vào những cách hiểu trên, chúng tôi đi vào tìm hiểu một số motif tiêu biểu có ảnh hưởng trong truyện cổ Phật giáo mà chúng tôi khảo sát được từ truyện cổ dân gian Lào; đó là motif “kể chuyện đề thuyết pháp” và motif “tiền kiếp”.

2.3.1. Về motif “tiền kiếp”

Xuất phát từ quan niệm luân hồi trong đạo Phật, đạo Phật cho rằng con người là một linh hồn đi trong vô lượng kiếp, lăn trôi từ kiếp này qua kiếp khác nên mỗi thực thể trong hiện tại đều có kiếp trước, kiếp sau. Trong hệ thống truyện cổ Phật giáo - *Jataka* (*Những câu chuyện về tiền kiếp của Đức Phật*) gồm 547 truyện thì mỗi truyện là một kiếp sống trong đời trước của Đức Phật. Khi ấy, Ngài từng trải qua vô vàn kiếp khác nhau: khi làm vua, khi làm hoàng tử, khi là một vị Bà la môn, có khi là Voi, Thỏ... Có lẽ, do chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo và cũng vô cùng yêu kính Đức Phật nên người Lào rất thích những câu chuyện trong kiếp trước của Ngài. Motif “tiền kiếp” do đó cũng xuất hiện trong các câu chuyện dân gian của xứ sở Triệu Voi.

Trước hết là truyện *Xiêu Xa Vat*. Ở truyện chuỗi này, cụ thể là truyện đầu tiên trong 30 truyện, người bố nọ đã mượn một câu chuyện liên quan đến tiền kiếp của Đức Phật để khuyên hai con: “Các con yêu quý, mọi việc trên đời này không việc nào là không cụ thể cả. Cho nên, phải nghe tận tai, phải thấy tận mắt thì mới tin được”. Để chứng minh điều này, ông kể cho các con nghe *Chuyện con chim chích chòe* [30; 7]: Ngày xưa, trong một tiền kiếp, Đức Phật từng là một con chim chích chòe. Cha mẹ nói là chim còn nhỏ thì không nên bay xa. Chim không nghe lời, làm trái ý cha mẹ và cứ bay ra ngoài kiếm ăn. Một hôm gặp đại bàng, nó quắp lấy chích chòe định tha đi. May mà nhờ nhanh nhẹn và thông minh, chích chòe đã thoát được cơn nguy hiểm. Việc sử dụng motif như vậy khiến người nghe dễ tin tưởng và bị thuyết phục. Do đó, mục đích giáo dục cũng trở nên gần gũi, dễ đi vào tâm trí con người, nhất là trẻ thơ.

Motif này chúng ta còn thấy trong tác phẩm *Phra Lak - Phra Lam*. Ngay trong phần cơ duyên (câu chuyện hiện tại), tác giả dân gian viết: “Ở Vat Savathi, một ngày kia, Đức Phật kể cho tăng chúng câu chuyện *Phra Lak - Phra Lam*, một trong những tiền thân của Ngài (One day, to his devoted disciples gathered at the Vat Savathi, the Buddha narrated one of his previous existences, the story of Phra Lak-Phra Lam) [31; 8]. Sau khi dẫn dắt mở đầu câu chuyện như vậy, tác giả quay lại kể về câu chuyện quá khứ, một trong những tiền kiếp của Đức Phật: “Trong tiền kiếp, Đức Phật từng là Phra Lam, vua của xứ nọ. Vua có người vợ vô cùng xinh đẹp, hiền dịu, đức hạnh là nàng Sida. Một phần vì ghen ghét với Phra Lam, phần vì háo sắc, Hapkhanasouane đã bắt cóc nàng về làm vợ. Câu chuyện vì thế là hành trình của Phra Lam trong cuộc chiến diệt quỷ dữ cứu người đẹp, là biểu tượng cho cuộc chiến chống lại các ác, cái xấu của người dân Lào. Ở phần nhận diện tiền thân, kết thúc chuyện *Phra Lak - Phra Lam*, Đức Phật giảng cho tăng chúng: Phra Lam trong kiếp trước chính là Ngài trong kiếp này, Hapkhanasouane trong kiếp trước chính là

Thevathad (Devadatta), kẻ luôn thù oán và âm mưu hãm hại Đức Phật. Với dã tâm, những hành vi xấu xa trong kiếp trước, hắn đã nhận quả báo là bị đẩy xuống địa ngục để trả giá cho tội lỗi gây ra với Phra Lam.

2.3.2. Về motif “kể chuyện để thuyết pháp”

Bởi vì yêu thích đạo Phật và cũng tôn kính những lời dạy của Phật nên người Lào cũng có xu hướng vay mượn motif này trong các câu chuyện dân gian nước mình. Truyện *Xiêu Xa Vạt* là minh chứng cụ thể và motif “kể chuyện để thuyết pháp” được thể hiện qua lời đối thoại của chàng trai thông minh này với vị vua nọ. Có lần, vua hỏi Xiêu Xa Vạt: “Này nhà thông thái, người có thể giảng giải cho ta biết thế nào là từ thiện, thế nào là tình thương được không?”. Xiêu Xa Vạt trả lời: “Thưa Pha Nha, nếu giảng giải hai chữ đó theo đạo lý thì rất khó hiểu. Nhưng diễn giải bằng những câu chuyện xảy ra trên đời thì rất dễ hiểu”. Rồi chàng kể cho vua nghe câu chuyện về *Chim gõ kiến và voi, Pha nha in và con chim khách, Rùa và đại bàng...* Toàn bộ câu chuyện dài trong *Xiêu Xa Vạt* là những điều hay lẽ phải ở đời, về nhân - quả; thiện - ác; công - tội... Hoặc ở truyện khác trong chuỗi truyện này, người cha muốn thuyết pháp cho con: “Nói với người nên nói lời tốt đẹp, không nên nói lời xấu xa. Còn nghe thì nên nghe điều thiện, chớ nên nghe điều ác” liền viện dẫn *Chuyện con chim khách* [32, 11]: Trong một khu rừng nọ, chim mẹ đẻ được 2 chim con. Một hôm trời nổi gió, tổ chim bị nát. Hai chim non, mỗi con rớt một nơi. Người thợ săn bắt được một con, một con thì rơi vào tay nhà tu hành. Cả hai đều đem chim về nuôi dạy theo cách riêng của mình. Kết quả là chim do người đi săn dạy thì nói những câu độc ác như bắn chết, giết đi, vật lông, mổ bụng. Còn con chim ở với nhà tu hành thì toàn nói những lời tốt đẹp như từ bi, bác ái, vị tha.

Như vậy, không thể phủ nhận là người Lào đã mượn motif “kể chuyện để thuyết pháp” trong *Jataka*. Tuy nhiên, nội dung thuyết pháp không phải là các vấn đề liên quan đến giáo lý Phật giáo như Đức Phật thường dạy cho các môn đệ của mình mà chỉ là câu chuyện về đạo đức, về ứng xử, về lẽ sống ở đời. Do vậy, nội dung truyện trở nên gần gũi, dễ tin, dễ hiểu, dễ thấm nhuần vào trái tim mỗi người.

Motif “kể chuyện để thuyết pháp” này, chúng tôi còn gặp trong truyện *Phra Lac - Phra Lam*. *Phra Lac - Phra Lam* cũng có những đoạn thuyết pháp rất dài về giáo lý Phật giáo qua hệ thống câu hỏi và cuộc đối đáp giữa hai nhân vật Phra In và Thao Loun Lou:

Phra In: Cái gì Một mà không Hai?

Thao Loun Lou: Đức Phật.

Phra In: Cái gì Hai mà không Ba?

Thao Loun Lou: Danh và Sắc.

Phra In: Cái gì Ba mà không Bốn?

Thao Loun Lou: Tham - Sân - Si

Phra In: Cái gì Bốn mà không Năm?

Thao Loun Lou: Tứ diệu đế.

Phra In: Cái gì Năm mà không Sáu?

Thao Loun Lou: Ngũ giới

Phra In: Cái gì Sáu mà không Bảy?

Thao Loun Lou: Lục căn.

Phra In: Cái gì Bảy mà không Tám?

Thao Loun Lou: Bảy thành tố của Giác ngộ để chứng Niết Bàn.

Phra In: Cái gì Tám mà không Chín?

Thao Loun Lou: Bát chính đạo” [33].

Với những câu đố mang tính Phật thoại như vậy, đoạn này mang hơi hướng như là cuộc đối thoại giáo lý Phật giáo giữa Phật và các đệ tử trong kinh điển Phật giáo.

2.4. Thảo luận

2.4.1. Về đặc điểm của truyện cổ Phật giáo trong văn học dân gian Lào

Cũng như nhiều quốc gia khác tại Đông Nam Á, Lào có một kho tàng văn học dân gian giàu có. Trải qua hàng ngàn năm tồn tại và phát triển, cư dân nơi đây bằng tài năng và trí tuệ của mình, đã sáng tạo ra hệ thống truyện kể phong phú. Những ai đã từng đi vào các bản mường Lào, dù ở thành thị hay nông thôn, vùng đồng bằng trù phú đông dân hay những nơi núi non hẻo lánh đều có thể được kể cho nghe vô số chuyện hấp dẫn ly kỳ. Những câu chuyện ấy vốn được người dân xứ Triệu Voi truyền miệng cho nhau một cách say mê từ đời này sang đời khác, trở thành nguồn cảm hứng bất tận trong đời sống văn hóa xã hội Lào. Từ các đồng ruộng, trên nương rẫy hoặc sông nước hoặc trong rừng núi bao la xanh thẳm, trong các ngày lễ hội hoặc trong giảng đường Đức Phật, mọi người đều lặp đi lặp lại những tích truyện cổ mà họ yêu thích. Với ý nghĩa như vậy, truyện cổ được người Lào bảo lưu, trân trọng, xem đó là món ăn tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống thường nhật. Khi tìm hiểu truyện kể dân gian Lào, không thể không nhắc đến ảnh hưởng của Phật giáo. Cùng với sự xâm nhập của văn hóa Ấn, văn học Ấn cũng vào đây, mang theo những áng sử thi hào hùng và đại dương truyện bao la. Bằng nhiều con đường khác nhau, kinh điển Phật giáo này đã neo đậu tại Lào và tạo ra nhiều văn bản độc đáo ở các cấp độ khác nhau. Sở dĩ có điều này là bởi sự tương đồng về mặt địa lý - văn hóa - lịch sử và tâm lý, tính cách dân tộc giữa Ấn Độ và Đông Nam Á. Song trên hết, do *Jataka* truyền tải giáo lý nhà Phật bằng những câu chuyện cổ, rất phù hợp với cư dân trồng lúa nước. Do dân số ở đây phần lớn là nông dân nên họ có một vẻ đẹp giản dị, chất phác. Họ không quan tâm, không hiểu nhiều về vũ trụ luận, nhận thức luận hay cội niết bàn xa vời mà chủ yếu tìm kiếm những bài học đạo đức để ứng dụng vào những hành vi ứng xử trong cuộc đời thật. Vậy nên những câu chuyện cổ Phật giáo luôn luôn được bảo lưu, tái tạo và sống mãi. Người dân thích nghe kể về cuộc đời của đức Phật. Lòng từ bi hỉ xả hiem có của Phật đã làm họ vô cùng xúc động. Từ chỗ xúc động sẽ đến chỗ nuôi dưỡng lòng từ bi hướng thiện, góp phần bồi đắp truyền thống nhân văn nhân ái, tu nhân tích đức của người dân nơi đây. Tuy nhiên, nếu như trong *Bốn Sinh Kinh*, số lượng truyện là 547 truyện thì khi dịch chuyển sang Lào, người dân nơi đây chỉ yêu thích một số ít truyện, cụ thể là câu chuyện số 316 và 547. Câu chuyện này được Lào vay mượn cốt truyện và có dị bản riêng của mình. Ở Lào, *Jataka* 316 là truyện *Sự tích hình thỏ trên mặt trăng*. *Jataka* 547 có tên truyện là *Hoàng tử Vệt - xanh - đơn*.

2.4.2. Về quá trình dân gian hóa truyện cổ Phật giáo trong văn học Lào

Không thể phủ nhận được ảnh hưởng của truyện cổ Phật giáo lên văn học dân gian Lào. Song đó không phải là sự “mô phỏng”, “sao chép” hoàn toàn mà đã được tác giả dân gian Lào tiếp thu chọn lọc, sáng tạo, thể hiện ở các khía cạnh:

Một là, về phương diện cốt truyện: Nhân dân Lào, rất yêu thích các tích truyện trong *Kinh Bốn Sinh* nên họ đã vay mượn cốt truyện trong kinh điển đó để truyền tải những thông điệp của riêng mình (giải thích hiện tượng tự nhiên; phong tục, tập quán). Đặc điểm chung của truyện kể dân gian các quốc gia này là thường giản lược về mặt nội dung và hình thức so với truyện kể trong kinh điển gốc. Trong bản gốc, dung lượng truyện dài, nhiều tình tiết, sự kiện. Kết cấu mỗi truyện gồm 3 phần: câu chuyện hiện tại, câu chuyện quá khứ, nhận diện tiền thân, sự xuất hiện của bài kệ ở cuối mỗi câu chuyện. Ấy thế nhưng, hòa nhập vào môi trường bản địa, câu chuyện được kể lại với ngôn ngữ tự nhiên, gần gũi với lời ăn tiếng nói của nhân dân nên đượm sắc màu folklore hơn là sắc màu tôn giáo.

Hai là, về phương diện hình tượng nhân vật: Hệ thống nhân vật từ trong kinh điển Phật giáo đến truyện kể dân gian Lào cũng có nhiều nét được biến đổi đi cho phù hợp với tâm lý tộc người. Nếu trong *Kinh Bốn Sinh*, hình tượng Đức Phật là nhân vật chính, truyện nào cũng xuất hiện nhằm mục đích thuyết cho các Tỳ kheo và chúng sinh thì sang truyện của Lào, hình tượng nhân vật phong phú, đa dạng, có khi là đức Phật; có khi là người dân; có khi là các con vật. Hơn nữa, hình tượng Đức Phật cũng được dân gian hóa, hiện lên như những nhân vật phù trợ - vốn là hình tượng

phổ biến trong hệ thống truyện cổ tích thần kỳ. Còn nhân vật phản diện như Đề bà đạt đa thì luôn gắn với sự trừng phạt để truyền tải thông điệp của dân gian: ác giả ác báo.

2.4.3. Về tầm quan trọng của văn học dân gian trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị Phật giáo Lào

Bởi vì được dân gian hóa nên các truyện kể trong kinh điển Phật giáo khi hòa vào đời sống người dân có sức sống lâu bền. Ngày nay, vào những dịp đặc biệt, người dân nơi đây vẫn kể cho nhau nghe *Những câu chuyện tiền kiếp về Đức Phật* và các sự tích Phật giáo vẫn bảo lưu, tái tạo trong lễ hội lớn hoặc dịp đặc biệt. Một trong những lễ hội lớn nhất của người Lào là lễ hội Bun Phạ Vệt (còn gọi là Bun Mạ hạ xạt) được tổ chức mỗi năm một lần. Đây là lễ hội nghe các nhà sư đọc truyện Phạ Vệt hay còn gọi kiếp Đức Phạ Vệt bằng 1.000 khổ thơ. Lễ hội không chỉ diễn ra trong một bản mà nhiều bản. Bản đăng cai sẽ có giấy mời nhà sư ở các chùa lân cận và đón tiếp tăng ni từ nơi khác về. Nguồn gốc của lễ hội bắt nguồn từ một câu chuyện (*Jataka* 547) trong *Bốn Sinh Kinh* kể về kiếp cuối cùng của Đức Phật. *Jataka* này du nhập vào Lào thì có biến thể khác với tên gọi *Truyện Phạ Vệt* (hay truyện về hoàng tử Vệt xanh đơn). Truyện bao gồm “14 đoạn kể về cuộc đời của Đức Phạ Vệt từ khi làm vua một vương quốc đã có vợ và 2 con (1 trai, 1 gái). Ấy thế nhưng, Phạ Vệt với lòng từ bi, hi xả đã bỏ thí con voi trắng được coi là biểu tượng của vương quốc rồi rời khỏi hoàng gia, đưa cả nhà vào rừng tu. Câu chuyện khép lại bằng một kết thúc có hậu: Vợ chồng con cái Phạ Vệt được đoàn tụ tại vương quốc của mình và đều trở thành Phật [34; 52-53]. Câu chuyện cảm động này đã đi sâu vào lòng dân người trên xứ sở Triệu Voi đến nỗi “trong đêm lễ hội Phạ Vệt, người ta có thể ngồi nghe kể suốt đêm mà không thấy buồn ngủ hay chán nản” [35; 300-301]. Và mỗi lần lễ hội diễn ra, người dân lại được đắm chìm trong những lời thuyết pháp của các nhà sư về cuộc đời Đức Phật, thấm sâu hơn về cái “nhân đức, bác ái, từ bi của Ngài” [36; 267]. Qua đó, nhắc nhở con người ta hướng tới những việc tử tế, phúc đức cần làm để có được may mắn và hạnh phúc trong đời sống.

3. Kết luận

Như nhiều nước khác trong khu vực Đông Nam Á, Lào có một kho tàng văn học dân gian vô cùng phong phú, đa dạng và những truyện kể này ít nhiều có sự vay mượn từ kho tàng truyện cổ Phật giáo Ấn Độ. Bằng nhiều con đường khác nhau, Phật giáo đã du nhập vào Lào, ảnh hưởng lên muôn mặt đời sống văn hóa xã hội của người dân nơi đây, được dân gian tiếp thu một cách chọn lọc và đầy sáng tạo. Kết quả là từ cùng một cội nguồn nhưng người Lào đã có nhiều biến thể độc đáo, phản ánh những đặc thù riêng, mang đậm dấu ấn văn hóa đất nước Triệu Voi. Trong ý nghĩa như vậy, đại dương truyện cổ Phật giáo của Ấn Độ không những góp phần bồi đắp tư tưởng, lối sống nền tảng đạo đức Phật giáo mà còn mang đến cho văn học Lào một diện mạo mới, một sắc thái riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] TĐ Thiện, TT Lạc & CV Tuấn, (2020). *Phật giáo Việt Nam tại Lào*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 34.
- [2] Đ Ninh, (2004). *Nghiên cứu Văn học Đông Nam Á*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.459-523.
- [3] NT Đắc (cb), (1983). *Văn học các nước Đông Nam Á*. Viện Đông Nam Á, Hà Nội, tr 41- 64.
- [4] LĐ Trung (cb), 1998. *Văn học Đông Nam Á*. NXB Giáo dục, Hà Nội, tr.17-54.
- [5] PT Hiền & ĐV Đăng, (18, 05, 2025). Ảnh hưởng của Jataka trong văn hóa Đông Nam Á, *Nguyệt san Giác Ngộ*, <https://giacngo.vn>.
- [6] PT Hiền, (11, 05, 2025). *Đôi nét về bản sắc văn hóa Lào qua quá trình bản địa hóa sử thi Ramayana trong Phra Lak Phra Lam*, <https://www.vanhoahoc.edu.vn/nghien-cuu/van-hoa-the-gioi/van-hoa-dong-nam-a>.
- [7] PT Hiền, 2008. “Phương diện kết cấu trong nghệ thuật kể chuyện - thuyết pháp của Jataka”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, (8), 93 - 105.

- [8] NV Hoàn, (2007). *Phật giáo Lào dưới góc nhìn văn hóa*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.161.
- [9] Ahir DC, (2000). *The Influence of Jatakas on Art and Literature*. B.R. Publishing Corporation, Delhi D.C.
- [10] Pranee W, (April 12, 2025). “The Jataka Stories and Laopuan worldview”. *Asian Folklore Studies* (48), Silpakorn University, Bangkok, Thailand, p.p.21 - 30.
- [11] Vongsopha VS, (2012). *The Role and Impact of Vessantara Jātaka in the Lao PDR*, www.buddhismandaustralia.com.
- [12] LB Hán -TD Sứ - NK Phi, (2000). *Từ điển thuật ngữ văn học*. NXB Giáo dục, Hà Nội, tr 99.
- [13] ĐT Hà, (2015). *Giáo trình Văn học Ấn Độ*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr 38.
- [14] NV Doanh, (2008). *Truyện cổ Lào*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [15] TM Châu, N Tâm, TP Lan (dịch), 2015. *Đại Tạng Kinh Việt Nam/Kinh Tiểu Bộ* (tập V). NXB Tôn giáo, Hà Nội, tr 533 - 541.
- [16] NV Doanh, (2008). *Truyện cổ Lào*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.26 - 31.
- [17] TM Châu, N Tâm, TP Lan (dịch), 2015. *Đại Tạng Kinh Việt Nam/Kinh Tiểu Bộ* (tập IV). NXB Tôn giáo, Hà Nội, tr.318 - 322.
- [18] NV Doanh, (2008). *Truyện cổ Lào*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr 18 - 34.
- [19] TM Châu, N Tâm, TP Lan (dịch), 2015. *Đại Tạng Kinh Việt Nam/Kinh Tiểu Bộ* (tập III). NXB Tôn giáo, Hà Nội, tr 530 - 533.
- [20] NV Doanh, (2008). *Truyện cổ Lào*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.46.
- [21] Đ Tiến - Q Lai (lược dịch), (1984). *Truyện cổ Lào*. NXB Văn hóa, Hà Nội.
- [22] Bộ Giáo dục và Thể thao CHDCND Lào, (2012). *Từ điển Lào - Việt*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr 529.
- [23] TNB Giác, (28, 04, 2025). Vài suy nghĩ từ nhân vật Đề Bà Đạt Đa, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, <https://tapchinhienchiencuphathoc.vn/>
- [24] VT Tinh, (1972). *The Phra Lak - Phra Lam of the Lao version of the Ramayana*. Cultural survey of Lao.
- [25] LC Quế, (2001). *Văn hóa dân gian - Khảo sát và Nghiên cứu*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 79.
- [26] Morfologija Skazki, (2003). *Tuyển Tập V.IA.Propp*, (tập 1, Chu Xuân Diên dịch). NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [27] LB Hán -TD Sứ - NK Phi, (2000). *Từ điển thuật ngữ văn học*. NXB Giáo dục, Hà Nội, tr.9168.
- [28] LN Ân, (2003). *150 thuật ngữ văn học*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.209.
- [29] TK Ngân, (01, 05, 2025). *Việc biên soạn từ điển “tip” và “môtip” trong ngành folklore thế giới*, <https://nguvan.hnue.edu.vn>.
- [30] Đ Tiến (lược dịch), (1967), *Truyện cổ Lào*. NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, tr.7.
- [31] VT Tinh, (1972). *The Phra Lak - Phra Lam of the Lao version of the Ramayana*. Cultural survey of Lao, tr.8.
- [32] ĐTiến (lược dịch), (1967), *Truyện cổ Lào*. NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [33] PT Hiền, (22, 04, 2025). *Đôi nét bản sắc văn hóa Lào qua quá trình bản địa hóa sử thi Ramayana trong Phra Lak, Phra Lam*, trang <https://quankhoasu4.blogspot.com>.
- [34] Bò Xềng Khăm Vông - Đala (chủ biên), (2001). *Lịch sử văn học Lào thời kỳ vương quốc Lào Lan Xạng*, (tập 2, Trần Ngọc Dung dịch). NXB Giáo dục, Hà Nội, tr. 52 - 53.
- [35] NL Thi (chủ biên), (2012). *Từ điển Lịch sử Văn hóa Lào*. NXB Từ điển Bách khoa Hà Nội, tr 52 - 53.
- [36] H Nguyên, (1995). *Lào: Đất nước, con người*. NXB Thuận Hóa, Huế, tr 267.